

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

MỤC LỤC

Trang

1.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01	-	03
2.	Báo cáo kiểm toán	04	-	05
3.	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán niên độ 2014			
	Bảng cân đối kế toán	06	-	08
	Kết quả hoạt động kinh doanh			09
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10	-	11
	Thuyết minh báo cáo tài chính	12	-	33
4.	Phụ lục : Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu			34

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây Dựng Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Cần Thơ ("Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán.

1. Thông tin chung

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây Dựng Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Cần Thơ (Công ty), tên giao dịch là Cantho Industrial Parks Infrastructure Construction Limited Company, là Công ty 100% vốn Nhà nước, được thành lập theo quyết định 1738/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2010, được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng hạ tầng Khu Công Nghiệp Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5706000047 cấp ngày 17 tháng 02 năm 2006, đăng ký cấp lại và thay đổi lần 1 ngày 13 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Cần Thơ cấp.

Một số nội dung chính của Giấy Chứng Nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- | | |
|---------------------------------|---|
| - Tên Doanh Nghiệp | : Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng hạ tầng KCN Cần Thơ |
| - Tên giao dịch | : Cantho Industrial Parks Infrastructure Construction Limited Company |
| - Trụ sở chính đặt tại | : 102 đường 30/04, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ. |
| - Người đại diện theo pháp luật | : Ông Võ Ngọc Hồ; Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc |
| - Vốn điều lệ | : 110.586.513.513 VND |
| - Các loại thuế khác | : Theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm. |

2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

- Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đầu tư khu dân cư, khu tái định cư, nhà ở công nhân.
- Cho thuê lại đất, kho tàng nhà xưởng, bến bãi.
- Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng trong khu công nghiệp, khu dân cư và nhà ở công nhân.
- Cung ứng dịch vụ: tư vấn đầu tư, xây dựng, san lấp mặt bằng, xây dựng nhà xưởng.
- Cung ứng vật tư nguyên liệu cho sản xuất và xây dựng.
- Vận chuyển và bốc xếp hàng hoá.
- Hợp tác và đầu tư trong các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ tiện ích: cung cấp điện, nước, dịch vụ bưu chính viễn thông, xử lý nước thải và chất thải, vệ sinh môi trường.
- Tổ chức kinh doanh dịch vụ: căn tin, bãi giữ xe, siêu thị trong khu công nghiệp, chợ, nhà trẻ, khu vui chơi giải trí trong Khu tái định cư; Thị công xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kinh doanh bất động sản.

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc

Họ và tên

Võ Ngọc Hồ

Phạm Thị Khoa

Trần Dạ Thảo

Chức vụ

Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính (VND)	
	Năm nay	Năm trước
Tổng thu nhập	49.380.430.677	46.805.736.677
Tổng chi phí	44.092.688.617	41.901.064.683
Lãi sau thuế	5.287.742.060	4.904.671.994

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải được điều chỉnh số liệu hay công bố trong Báo cáo tài chính.

6. Kiểm toán viên độc lập

Công ty TNHH Kiểm Toán AS (ASCO) là kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ.

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

7. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót;

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc đã cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính.

8. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Cần Thơ, Ngày 28 tháng 01 năm 2015

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Giám đốc



Võ Ngọc Hồ



AS AUDITING COMPANY

63A Vo Van Tan St., Ward 6, Dist.3, HCM City

Tel : (84.8) 39301277 - 39301278 Fax : (84.8) 39301395

E-mail: ktas@vnn.vn website: www.kiemtoanas.com.vn

Số: 28.01.15/AS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xây Dựng Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Cần Thơ, được lập ngày 28 tháng 01 năm 2015 từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 07 tháng 02 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm Toán AS



Đỗ Thị Thi

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2064-2013-018-1

Nguyễn Văn Cường

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2777-2014-018-1

V.I.P
TR
K
X
7
V.I.P

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		126.310.343.704	258.085.587.142
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	9.584.705.647	7.423.766.756
Tiền	111		960.733.147	1.099.794.256
Các khoản tương đương tiền	112		8.623.972.500	6.323.972.500
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		96.042.031.250	79.900.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	96.042.031.250	79.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.160.960.924	168.599.102.396
Phải thu khách hàng	131	V.03	14.983.040.819	154.003.460.916
Trả trước cho người bán	132	V.04	8.756.497.029	5.180.555.598
Các khoản phải thu khác	135	V.05	3.103.780.511	9.415.085.882
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.06	(6.682.357.435)	-
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		522.645.883	2.162.717.990
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.07	154.145.883	1.656.617.990
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.15	9.000.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	359.500.000	506.100.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		263.843.294.155	288.739.629.756
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		257.956.935.462	261.839.470.694
Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	60.221.814.922	219.872.418.374
Nguyên giá	222		139.886.009.048	329.945.992.335
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.664.194.126)	(110.073.573.961)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	145.790.865.819	-
Nguyên giá	228		213.721.841.482	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.930.975.663)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	51.944.254.721	41.967.052.320
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		5.886.358.693	26.900.159.062
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	5.886.358.693	26.900.159.062
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		390.153.637.859	546.825.216.898

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	38.897.385.127	38.466.266.881
Các khoản giảm trừ	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		38.897.385.127	38.466.266.881
Giá vốn hàng bán	11	VI.02	22.195.053.872	26.513.330.260
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.702.331.255	11.952.936.621
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	10.204.470.703	8.319.300.332
Chi phí tài chính	22	VI.04	978.293.184	706.384.322
- Trong đó chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	VI.05	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	19.427.927.134	12.964.561.850
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.500.581.640	6.601.290.781
Thu nhập khác	31	VI.07	278.574.847	20.169.464
Chi phí khác	32	VI.08	-	61.423.190
Lợi nhuận khác	40		278.574.847	(41.253.726)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.779.156.487	6.560.037.055
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.491.414.427	1.655.365.061
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.287.742.060	4.904.671.994
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			-

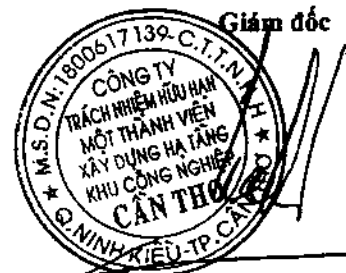
Cần Thơ, Ngày 28 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Loràn Dạ Thảo



Võ Ngọc Hồ

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		59.908.793.648	55.940.211.619
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(25.473.220.682)	(19.723.845.422)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.520.512.599)	(5.291.839.967)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.210.066.640)	(2.904.571.678)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.357.109.894	1.615.929.302
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(19.305.979.979)	(21.994.429.471)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.756.123.642	7.641.454.383
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.381.001.995)	(432.177.311)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(35.142.031.250)	(79.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.000.000.000	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.507.255.884	4.606.346.001
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.015.777.361)	(75.725.831.310)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.465.929.138	5.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.047.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		418.929.138	5.000.000.000

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Bản thuyết minh này nhằm chú giải một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ được nêu từ trang 06 đến trang 11. Bản thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của các Báo cáo tài chính.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây dựng Hạ tầng Khu Công nghiệp Cần Thơ (Công ty), tên giao dịch là Cantho Industrial Parks Infrastructure Construction Limited Company, là Công ty 100% vốn Nhà nước, được thành lập theo quyết định 1738/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2010, được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng hạ tầng Khu Công nghiệp Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5706000047 cấp ngày 17 tháng 02 năm 2006, đăng ký cấp lại và thay đổi lần 1 ngày 13 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Cần Thơ cấp.

2. Hình thức sở hữu vốn: 100% Vốn nhà nước

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đầu tư khu dân cư, khu tái định cư, nhà ở công nhân.
- Cho thuê lại đất, kho tàng nhà xưởng, bến bãi.
- Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng trong khu công nghiệp, khu dân cư và nhà ở công nhân.
- Cung ứng dịch vụ: tư vấn đầu tư, xây dựng, san lấp mặt bằng, xây dựng nhà xưởng.
- Cung ứng vật tư nguyên liệu cho sản xuất và xây dựng.
- Vận chuyển và bốc xếp hàng hoá.
- Hợp tác và đầu tư trong các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ tiện ích: cung cấp điện, nước, dịch vụ bưu chính viễn thông, xử lý nước thải và chất thải, vệ sinh môi trường.
- Tổ chức kinh doanh dịch vụ: căn tin, bãi giữ xe, siêu thị trong khu công nghiệp, chợ; nhà trẻ, khu vui chơi giải trí trong Khu tái định cư; Thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kinh doanh bất động sản.

4. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình kinh doanh: Không có.

II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp; các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 10 ban hành theo Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo ngày 31/12/2014 là: 21.246 VND/USD

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 23 năm
Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 16 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 08 năm
Tài sản cố định khác	03 - 25 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá của tài sản cố định (TSCĐ) vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình gồm: Quyền sử dụng đất và phần mềm vi tính

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, hoặc Quyền sử dụng đất do phía đối tác góp vốn liên doanh và được khấu hao theo thời gian góp vốn.

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử, ... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay (nếu có) ... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo, ... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ) hoặc chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Chi phí trả trước dài hạn" để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản chi phí mua công cụ dụng cụ sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với tài sản là công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển không đáp ứng đủ điều kiện xác định là tài sản cố định theo quy định thì chi phí mua tài sản nêu trên được phân bổ dần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng tối đa không quá 2 năm.

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với hoạt động cho thuê lại đất và phí cơ sở hạ tầng thời điểm ghi nhận doanh thu là khi hợp đồng kinh tế có hiệu lực và có biên bản bàn giao đất cho bên thuê.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	13.754.277	9.629.000
Tiền gửi ngân hàng	946.978.870	1.090.165.256
Ngân hàng Công thương Việt Nam (ICB)	623.052.125	938.676.539
Tài khoản VNĐ	318.737.594	636.257.938
Tài khoản USD	304.314.531	302.418.601
<i>Tương đương USD</i>	<i>14.323,38</i>	<i>14.308,90</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	27.452.262	103.147.762
Tài khoản VNĐ	19.410.863	95.056.650
Tài khoản USD	8.041.399	8.091.112
<i>Tương đương USD</i>	<i>378,49</i>	<i>382,83</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	286.874.194	31.212.162
Tài khoản VNĐ	280.640.618	25.011.153
Tài khoản USD	6.233.576	6.201.009
<i>Tương đương USD</i>	<i>293,40</i>	<i>293,40</i>
Ngân hàng Bảo Việt (BVB)	9.600.289	17.128.793
Tài khoản VNĐ	9.600.289	17.128.793
Các khoản tương đương tiền	8.623.972.500	6.323.972.500
Cộng	9.584.705.647	7.423.766.756
Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Bảo Việt (BVB) - Tài khoản VNĐ	550.000.000	550.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam (ICB) - Tài khoản VNĐ	4.500.000.000	2.200.000.000
Ngân hàng Vietcombank - Cần Thơ - Tài khoản VNĐ	3.500.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng Vietcombank - Cần Thơ - Tài khoản USD	73.972.500	73.972.500
<i>Tương đương USD</i>	<i>3.500,00</i>	<i>3.500,00</i>
Cộng	8.623.972.500	6.323.972.500

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn khác - Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm trở xuống	96.042.031.250	79.900.000.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Tài khoản VND	47.414.114.583	33.450.000.000
Ngân hàng Bảo Việt - Tài khoản VND	10.950.000.000	10.950.000.000
Vietcombank Chi nhánh Trà Nóc - Tài khoản VND	37.677.916.667	35.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thuần	96.042.031.250	79.900.000.000

03. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Công Nghiệp Quốc Tế An Đô	3.152.898.282	4.798.209.093
Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	2.046.455.204	2.643.673.709
Công ty TNHH Gas Hùng Sáng	13.384.980	13.315.050
Công ty Cổ Phần Bình Nguyên	632.714.803	1.941.004.584
Công ty Điện Lực Thành Phố Cần Thơ	20.253.768	20.249.461
DNTN Thương Mại SX và Công Nghiệp Hoa Tân	1.463.196.473	2.790.865.219
DNTN Cơ Khí Huy Thông	278.212.546	302.862.859
Kiểm toán nhà nước	435.561.197	435.561.197
Doanh Nghiệp Tư Nhân Mạnh Tiến	44.196.737	49.037.427
Công ty TNHH Thủy Sản Nam Phương	890.119.229	570.453.306
Ngân Hàng TM CP Đông Á - PGD Trà Nóc	142.986	-
Công ty TNHH SXXD & Thương Mại Nhị Xuân	2.471.812	62.997.306
Công ty CP Ô Tô Hyundai - Vinamotor	332.708.535	297.873.308
Công ty CP Sản Xuất Bao Bì Phong Phú	462.118.915	572.204.763
Công ty Cổ Phần SWAISTAR	43.802.665	2.988.566.566
Công ty TNHH Thương Mại An Thái Dương	97.942.573	63.125.596
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Thành Tài	299.547.508	223.185.600
Công ty TNHH Cơ Khí Tây Đô	142.771.845	71.012.965
Công ty TNHH Thủy Sản Panga MeKong	2.692.243.618	2.294.311.355
Xí Nghiệp Chế Biến Thực Phẩm MeKo	1.137.138.185	1.644.458.887
Công ty TNHH Vĩnh Nguyên	795.069.725	593.186.958
Phải thu khách hàng khác	89.233	131.627.305.707
Cộng	14.983.040.819	154.003.460.916

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

07. Thuế GTGT được khấu trừ

	<u>Số tiền</u>
Thuế GTGT còn được khấu trừ, hoàn lại đầu kỳ	1.656.617.990
Thuế GTGT được khấu trừ tăng trong kỳ	3.165.422.567
Thuế GTGT được khấu trừ, hoàn lại trong kỳ	4.667.894.674
<i>Thuế GTGT được hoàn trong kỳ</i>	-
<i>Thuế GTGT đã khấu trừ trong kỳ</i>	4.667.894.674
<i>Thuế GTGT không được khấu trừ</i>	-
Thuế GTGT chờ hoàn	-
Thuế GTGT còn được khấu trừ cuối kỳ	<u><u>154.145.883</u></u>

08. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	359.500.000	506.100.000
Trần Văn Phúc	20.000.000	-
Nguyễn Văn Cần	60.000.000	60.000.000
Phạm Thị Khoa	20.000.000	-
Nguyễn Văn Hiếu	22.000.000	20.000.000
Huỳnh Tấn Lợi	23.000.000	20.000.000
Hồ Thị Lan	-	29.600.000
Phan Hùng Tân	10.000.000	10.000.000
Nguyễn Thị Thanh Thảo	20.000.000	20.000.000
Nguyễn Nhật Thu	8.000.000	10.000.000
Trần Trung Tín	96.500.000	78.500.000
Quách Huyền Trân	60.000.000	230.000.000
Phạm Tiến Vũ	-	18.000.000
Nguyễn Thị Mỹ Quyên	10.000.000	10.000.000
Lâm Hoàng Hải	5.000.000	-
Võ Quốc Khởi	5.000.000	-
Cộng	<u><u>359.500.000</u></u>	<u><u>506.100.000</u></u>

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

09. Tài sản cố định hữu hình

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá TSCĐ	329.945.992.335	161.901.375.930	351.961.359.217	139.886.009.048
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.874.251.395	161.187.550.705	26.304.252.334	136.757.549.766
Máy móc thiết bị	239.705.307	-	7.438.017	232.267.290
Phương tiện vận tải	2.463.610.109	700.341.613	481.143.947	2.682.807.775
Dụng cụ quản lý	293.114.105	13.483.612	93.213.500	213.384.217
TSCĐ khác	325.075.311.419	-	325.075.311.419	-
II. Giá trị hao mòn	110.073.573.961	93.483.721.941	123.893.101.776	79.664.194.126
Nhà cửa, vật kiến trúc	834.642.174	92.850.928.403	15.912.963.198	77.772.607.379
Máy móc thiết bị	178.947.590	47.943.120	120.880.768	106.009.942
Phương tiện vận tải	1.395.829.648	559.440.353	321.255.584	1.634.014.417
Dụng cụ quản lý	172.833.012	25.410.065	46.680.689	151.562.388
TSCĐ khác	107.491.321.537	-	107.491.321.537	-
III. Giá trị còn lại	219.872.418.374			60.221.814.922
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.039.609.221			58.984.942.387
Máy móc thiết bị	60.757.717			126.257.348
Phương tiện vận tải	1.067.780.461			1.048.793.358
Dụng cụ quản lý	120.281.093			61.821.829
TSCĐ khác	217.583.989.882			-

10. Tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá TSCĐ	-	241.803.252.989	28.081.411.507	213.721.841.482
Quyền sử dụng đất	-	241.710.039.489	28.081.411.507	213.628.627.982
Phần mềm máy tính	-	93.213.500	-	93.213.500
II. Giá trị hao mòn	-	72.430.412.587	4.499.436.924	67.930.975.663
Quyền sử dụng đất	-	72.375.261.410	4.499.436.924	67.875.824.486
Phần mềm máy tính	-	55.151.177	-	55.151.177
III. Giá trị còn lại	-			145.790.865.819
Quyền sử dụng đất	-			145.752.803.496
Phần mềm máy tính	-			38.062.323

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: VND***11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà ở công nhân KCN Trà Nóc	1.436.363.729	254.545.455
Khu công nghiệp Trà Nóc 2	837.837.098	9.296.430.488
Nhà máy xử lý nước thải KCN Trà Nóc	49.262.920.257	27.500.881.657
Quy hoạch mở rộng KCN Ô Môn	369.696.364	369.696.364
Sửa chữa, cải tạo văn phòng số 81, Trần Hưng Đạo	37.437.273	37.437.273
Khu Công Nghiệp Hưng Phú 2B	-	1.428.226.363
Cổng KCN Hưng Phú	-	596.166.819
Tái định cư và nhà ở công nhân KCN Trà Nóc 2	-	810.951.195
Tái định cư KCN Hưng Phú 2B	-	1.492.696.706
Sửa chữa cầu Sang Tráng	-	180.020.000
Cộng	<u>51.944.254.721</u>	<u>41.967.052.320</u>

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Hệ thống cấp thoát nước giai đoạn 1	891.051.098	-	891.051.098	-
Hệ thống chiếu sáng công cộng giai đoạn 1	846.656.074	-	846.656.074	-
Hệ thống thoát nước mưa	7.343.531.741	-	7.343.531.741	-
Hệ thống điện sinh hoạt giai đoạn 1	2.410.428.739	-	2.410.428.739	-
SLMB đợt 1 khu TĐC và nhà ở CN KCN TN2	654.157.237	-	654.157.237	-
SLMB đợt 2 khu TĐC và nhà ở CN KCN TN2	2.721.810.804	-	2.721.810.804	-
SLMB đợt 2 khu TĐC và nhà ở CN KCN TN2 (Phần còn lại).	411.089.196	-	411.089.196	-
SLMB (phần còn lại)	257.595.047	-	257.595.047	-
BTTH, GPMB Tái định cư	9.308.970.758	-	9.308.970.758	-
Hệ thống đường nội bộ, HTTN mua (phần còn lại)	814.839.532	-	814.839.532	-
Chốt bảo vệ tại khu CN TN2	12.148.788	-	12.148.788	-
Trạm cấp nước tái định cư Chùm Hời	960.000.009	-	80.909.091	879.090.918
VP làm việc BQL dự án xử lý nước thải	170.672.030	-	7.332.036	163.339.994
Các Tài sản không đủ điều kiện ghi nhận (211-242)	97.208.009	20.139.060	97.208.009	20.139.060
Lợi thế doanh nghiệp	-	139.655.316	-	139.655.316
CCDC hết phân bổ	-	71.896.892	-	71.896.892
Tiền thuê đất	-	4.612.236.513	-	4.612.236.513
Cộng	26.900.159.062	4.843.927.781	25.857.728.150	5.886.358.693

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

13 Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH ACB	-	35.421.596
Công ty tư vấn xây dựng tổng hợp - BXD	47.991.050	47.991.050
Nguyễn Thành Thắng - Đội 2/ Công ty	-	5.500.137.209
Trung tâm kỹ thuật TNMT Cần Thơ	87.863.660	87.863.660
Các nhà cung cấp khác	27.011.790	48.029.101
Cộng	162.866.500	5.719.442.616

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Việt Thắng.	-	2.850.909.091
Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín CN Cần Thơ	18.962.905	-
Người mua trả tiền trước khác	3.833.636	12.540.227
Cộng	22.796.541	2.863.449.318

15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	1.305.409.476	1.305.409.476	-
Thuế TNCN	10.540.491	98.432.197	117.972.688	(9.000.000)
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế TNDN	590.696.806	1.491.414.427	1.210.066.640	872.044.593
Thuế nhà đất	-	10.092.762.441	10.092.762.441	-
Các loại thuế khác	6.784.034.774	3.000.000	3.000.000	6.784.034.774
Cộng	7.385.272.071	12.991.018.541	12.729.211.245	7.647.079.367

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

Trong nước 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.12

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

16. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người lao động	1.633.005.967	1.177.889.638
Cộng	1.633.005.967	1.177.889.638

Công ty trích quỹ tiền lương theo công văn số 915/SLĐTBXH-LĐVL ngày 29/04/2014 của Sở Lao động Thương Binh và xã hội về việc thẩm định quỹ lương kế hoạch năm 2014 của Công ty TNHH MTV Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ và Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 08/5/2014 của Ủy Ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2014 đối với viên chức quản lý Công ty TNHH MTV Xây dựng Hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ; Thực hiện theo Thông tư số 18/2013/BLĐTBXH và Thông tư số 19/2013/BLĐTBXH ngày 09/9/2013 về lương, thưởng của người lao động và ban điều hành quản lý của Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cty CP KCN Sài Gòn Cần Thơ	2.090.561.084	2.090.561.084
Lãi tiết kiệm 18 hộ dân 6a,b	9.999.990	9.999.990
Nộp khác phục hậu quả đợt 6a,b	20.000.000	20.000.000
Sở Tài chính vật giá Cần Thơ	-	2.700.000.000
TĐC nhà ở CN KCN TN2 (Nền TĐC đợt 6a,6b)	42.000.000	42.000.000
Cty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Thiên Mã	-	1.141.760.000
Thu BTHT, GPMB nâng cấp QL91	793.468.000	-
TĐC TN2 (Tiền nền Tái định cư TN2 - đợt 5a,5b)	120.432.000	-
Hồ sơ mời thầu ĐNB, ĐSỐ 8 (nâng cấp MĐ)	116.000.000	-
Chi phí nghỉ phép năm	80.629.466	-
Tiền thưởng di dời đợt 6a, 6b còn phải trả cho dân	466.836.310	-
Chi phí phải đầu tư cho Lô Đất 2.20 E (4,5 Ha)	7.002.904.229	-

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế VAT của tiền thuê đất	335.952.375	334.197.186
Công ty CP Công Nghiệp Quốc Tế An Đô	122.253.096	121.614.383
Công ty TNHH Cơ Khí Thế Dân	15.741.586	15.659.344
Công ty TNHH Cơ Khí Tây Đô	2.251.014	2.239.253
CTy TNHH Thủy Sản Panga MeKong	59.057.506	58.748.959
Công Ty TNHH CPP	5.948.880	5.917.800
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Thiên Mã	118.579.450	117.959.930
Công ty TNHH Thủy Sản Trường Nguyên	12.120.843	12.057.517
Phải trả khác (Hạ Tầng)	-	2.360.536.353
Phải trả khác (Thuê đất)	-	135.486.497.481
Cộng	<u>11.078.783.454</u>	<u>144.185.552.094</u>

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	844.789.588	1.318.723.466	995.377.786	1.168.135.268
Quỹ phúc lợi	119.968.078	388.351.948	196.168.182	312.151.844
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	199.536.214	232.875.000	177.610.210	254.801.004
Cộng	<u>1.164.293.880</u>	<u>1.939.950.414</u>	<u>1.369.156.178</u>	<u>1.735.088.116</u>

19.. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	13.515.929.138	13.097.000.000
Vay Quỹ đầu tư Phát triển Cần Thơ	6.465.929.138	5.000.000.000
Vay Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	7.050.000.000	8.097.000.000
Cộng	<u>13.515.929.138</u>	<u>13.097.000.000</u>

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: VND***Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)*****Vay vốn Quỹ đầu tư Phát triển Cần***

Hợp đồng vay : số 63/2012/HĐTĐ ngày 4 tháng 12 năm 2012.

Hạn mức tín dụng : 42.786.916.702 VND

Thời hạn vay : 15 năm

Mục đích : Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải KCN Trà Nóc 2, quận Ô Môn, Cần Thơ

Lãi suất : Theo thời điểm

Biện pháp bảo đảm : Vay tín chấp

Vay Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

Hợp đồng vay : số 12-11/TD-QMT/CIP ngày 18 tháng 08 năm 2011.

Hạn mức tín dụng : 14.000.000.000 VND

Thời hạn vay : 60 tháng

Mục đích : Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải KCN Trà Nóc 2, quận Ô Môn, Cần Thơ

Lãi suất : 5.4%/năm

Biện pháp bảo đảm : Khoản vay này được đảm bảo bằng Bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Trà Nóc.

20. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	12.020.868.148	10.633.194.612
Công ty CP Thủy Sản Bình An	4.823.927.458	6.496.662.035
Công ty CP XNK Thủy Sản Cần Thơ - CASEAMEX	114.777.677	526.421.039
Công ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam	5.492.339.251	6.159.106.907
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tây Nam	15.663.495.036	14.163.085.789
Công ty Cổ Phần Thủy Sản Cổ Chiên	7.625.792.705	5.044.164.814
Công ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Trà Nóc	3.346.995.273	3.442.232.771
Công ty TNHH Bột Mi Đại Phong	1.018.734.160	1.100.996.839
Công ty TNHH CN Khoa Học Mùa Màng ANH - RÊ	814.729.802	841.443.068
Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Định Hải (COGEN)	3.543.905.155	4.357.110.650
Công Ty TNHH Thép Đức Triển	3.291.098.912	3.414.428.362

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Doanh thu chưa thực hiện (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	11.697.070.959	12.042.282.142
Công ty CP Xuất nhập khẩu Mekong Delta	538.866.500	538.866.500
Công ty TNHH CB Phụ Phẩm Thủy Sản HONOROA VN	4.747.833.651	4.875.362.573
Công ty CP Kinh Doanh Khí Hoá Lông Miền Nam.	3.633.727.370	3.753.390.974
Công ty TNHH Kim Ngọc Long	3.731.725.760	3.820.321.983
Công ty TNHH Lam Ngọc	1.100.278.089	1.179.068.263
Công ty Cổ Phần May MeKo	2.700.695.989	2.786.807.159
Công ty TNHH Thủy Sản Nam Phương	-	524.581.782
Công ty Cổ Phần Nam Tiến	4.359.171.367	4.695.124.587
Công ty CP Bia Nước Giải Khát Sài Gòn Tây Đô	2.839.565.861	3.244.900.844
Chi Nhánh Cty Pepsico Việt Nam Tại TP Cần Thơ	46.318.292.998	47.358.318.384
Công ty Cổ Phần Phân Bón Và Hoá Chất Cần Thơ	15.329.561.303	10.257.161.303
Công ty TNHH Thủy Sản Quang Minh	4.164.324.694	5.996.712.591
Công ty TNHH MTV Dầu Khí TP.HCM (Sài Gòn Petro)	28.431.007	28.431.007
Chi nhánh Công ty CP XD Dầu Khí Sài Gòn-XN XD Dầu Khí CT	4.310.159.690	4.439.338.970
CN. Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam tại Cần Thơ	992.821.034	1.219.301.733
Công ty CP Công Nghiệp Thực Phẩm Tân Á	467.769.999	924.415.804
Công ty TNHH Thái Sơn	1.922.155.608	1.366.548.551
Công ty Cổ Phần Thép Sông Hậu	2.482.662.277	2.671.560.247
Công ty Thép Tây Đô	1.153.199.685	1.225.835.959
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Thiên Mã	3.726.504.760	3.553.833.122
Công ty CP Thuốc Sát Trùng Cần Thơ	2.108.981.880	1.163.312.938
Công ty CP Thuốc Thú Y GMP Cần Thơ	213.078.002	213.078.002
Công ty TNHH Quốc Tế Tri Việt	1.567.629.330	1.706.236.491
Công ty Cổ Phần Thủy Sản Hậu Giang MeKong	1.805.829.953	2.217.399.914
Công ty TNHH Công Nghiệp Thủy Sản Miền Nam	10.829.572.495	4.561.413.495
Công ty TNHH Việt Thăng.	2.133.921.296	2.200.824.753
Công ty Xăng Dầu Tây Nam Bộ	5.721.928.122	6.221.568.223
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục Tại TP.Cần Thơ	3.637.311.010	3.736.549.951

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Doanh thu chưa thực hiện (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Labiofam Việt Nam	1.587.235.204	1.803.069.678
Công ty CP Công Nghiệp Quốc Tế Đại Hùng Tân	1.587.035.224	763.732.553
Công ty CP Thương Mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	4.794.061.006	-
Công ty TNHH Hữu Sáng	2.158.270.465	-
Công ty TNHH MTV Kaneshiro Việt Nam	4.116.430.873	4.239.182.796
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Nam Mỹ	1.929.002.101	591.088.084
Công ty TNHH SX Thương Mại Nguyệt Trang	1.153.500.923	1.309.740.749
Công ty Cổ phần Seavina	1.195.057.272	41.465.124
Doanh thu chưa thực hiện khác	14.232.295.400	19.180.273.480
Cộng	234.772.622.734	213.881.668.611

21. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê lại đất	25.639.514.578	24.219.337.400
Doanh thu thu phí sử dụng hạ tầng	10.201.061.458	9.157.031.299
Doanh thu hoạt động xây dựng	3.056.809.091	5.089.898.182
Doanh thu thuần	38.897.385.127	38.466.266.881

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cho thuê lại đất	12.610.919.838	13.416.189.156
Giá vốn của phí sử dụng hạ tầng	6.692.392.634	8.164.333.831
Giá vốn hàng bán xây dựng	2.891.741.400	4.932.807.273
Cộng	22.195.053.872	26.513.330.260

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	33.763.900	42.370.073
Lãi chênh lệch tỷ giá	90.581.316	218.673.711
Lãi chậm nộp	2.759.172.348	2.117.268.814
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.317.395.379	5.940.987.734
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.557.760	-
Cộng	10.204.470.703	8.319.300.332

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	978.293.184	683.542.371
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	22.841.951
Cộng	978.293.184	706.384.322

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý của hoạt động cho thuê lại đất	13.949.915.807	9.441.274.722
Chi phí quản lý của phí sử dụng hạ tầng	5.478.011.327	3.523.287.128
Cộng	19.427.927.134	12.964.561.850

07. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thuê lại đất	251.471.782	-
Thu nhập khác	27.103.065	20.169.464
Cộng	278.574.847	20.169.464

08. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	-	61.423.190
Cộng	-	61.423.190

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**Đơn vị tính: VND***09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.491.414.427	1.655.365.061
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.491.414.427</u>	<u>1.655.365.061</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.863.000.000	1.991.609.541
Tiền thưởng	177.610.210	95.000.000
Cộng	<u>2.040.610.210</u>	<u>2.086.609.541</u>